

Quy Nhơn, ngày 25 tháng 5 năm 2017

## **BÁO CÁO** **CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TẠI ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN** **NĂM 2017**

Thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2016 của Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hình đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua (Nghị quyết số 666/2016/NQ-VSH-ĐHCĐ ngày 27/5/2016) và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Qua một năm triển khai thực hiện, kết quả đạt được như sau:

### **A. Về sản xuất kinh doanh:**

#### **I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016:**

Năm 2016 là năm Công ty tiếp tục gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, do tình hình thủy văn cuối năm 2015 không thuận lợi các hồ chứa của Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn không tích đầy nước. Đến ngày 31/12/2015 các hồ chứa Nhà máy Vĩnh Sơn chỉ tích khoảng 40% dung tích hồ, hồ chứa Nhà máy Sông Hình tích đạt 100% dung tích hồ chứa. Năm 2016, tình hình biến đổi khí hậu trên toàn thế giới cũng như trong nước tiếp tục bất lợi, diễn biến phức tạp, hạn hán, nắng nóng cục bộ và gay gắt vẫn còn tiếp diễn lưu lượng nước về thấp hơn trung bình nhiều năm.

Bên cạnh đó, tình hình triển khai dự án thủy điện Thượng KonTum gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là gói thầu Thi công đường hầm dẫn nước bằng TBM. Để tiếp tục triển khai gói thầu này, trong thời gian qua Đại hội đồng cổ đông, HĐQT Công ty đã đưa ra các quyết định quan trọng để xử lý các vấn đề tồn tại và lựa chọn nhà thầu thi công. Ban điều hành đã tích cực triển khai và xử lý các vướng mắc khó khăn để làm việc với Nhà thầu sửa chữa phục hồi hệ thống thiết bị thi công, TBM chính thức vận hành từ ngày 14/7/2016 và yêu cầu Nhà thầu thực hiện các biện pháp để đẩy nhanh tiến độ đào đường hầm bằng TBM Dự án thủy điện Thượng Kon Tum đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ Hợp đồng đã ký (hoàn thành 14/4/2018).

Vượt qua những khó khăn, thách thức, Công ty cùng với toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình đã quán triệt và thực hiện chương trình hành động về các chỉ tiêu, nhiệm vụ tối ưu hoá chi phí sản xuất năm 2016. Năm 2016 Công ty đã thực hiện và đạt được một số chỉ tiêu như sau:

### 1. Về tăng doanh thu sản xuất kinh doanh điện:

a) Đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu hệ thống và việc tham gia thị trường điện:

Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã vận hành an toàn, ổn định, sản xuất được 679,35/700 triệu kWh đạt 97,05% so với kế hoạch sản xuất năm 2016 và cung cấp lên lưới điện quốc gia 671,33 triệu kWh điện thương phẩm.

Tổng doanh thu sản xuất điện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 447,64 tỷ đồng, đạt 92,48% so với kế hoạch (447,64/484,01 tỷ đồng). Trong đó doanh thu thị trường là 108,48 tỷ đồng.

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	So sánh TH/KH %
Doanh thu	Tr.đồng	519.599,04	502.226,61	96,66%
- Từ sản xuất điện	Tr.đồng	484.099,04	447.638,32	92,47%
+ Theo Hợp đồng	Tr.đồng		339.155,43	
+ Theo thị trường	Tr.đồng		108.482,89	
- Từ hoạt động tài chính	Tr.đồng	35.500,00	52.946,45	149,14%
- Từ dịch vụ khác	Tr.đồng	0	1.641,84	
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	300.609,78	280.841,57	93,42%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	282.592,39	258.122,04	91,34%
Lợi nhuận ST được phân phối	Tr.đồng	234.475,63	224.673,26	95,82%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn	%	13,70	12,52	91,34%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	10	10	100,00%

### b) Kết quả sản xuất kinh doanh điện:

Tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016, hai nhà máy điện của Công ty đã vận hành an toàn, ổn định, sản xuất được 679,35 triệu kWh/700 triệu kWh đạt 97,05% kế hoạch sản xuất năm 2016 và cung cấp lên lưới điện quốc gia 671,33 triệu kWh điện thương phẩm.

CHỈ TIÊU	Đơn vị	KẾ HOẠCH 2016	THỰC HIỆN 2016	TỶ LỆ SO VỚI KH (%)
<b>1. SẢN LƯỢNG ĐIỆN PHÁT</b>	kWh	<b>700.000.000</b>	<b>679.343.383</b>	<b>97,05</b>
- VĨNH SƠN	kWh	280.000.000	266.310.334	95,11
- SÔNG HÌNH	kWh	420.000.000	413.033.049	98,34
<b>2. ĐIỆN THƯƠNG PHẨM</b>	kWh	<b>691.400.000</b>	<b>671.323.383</b>	<b>97,09</b>
- VĨNH SƠN	kWh	276.360.000	264.890.334	95,85
- SÔNG HÌNH	kWh	414.540.000	406.423.049	98,04
<b>3. ĐIỆN DÙNG SẢN XUẤT ĐIỆN + TỔN THẤT MBA</b>	kWh	<b>9.100.000</b>	<b>8.020.000</b>	<b>88,13</b>
- VĨNH SƠN	kWh	3.640.000	1.420.000	39,01

Tỷ lệ	kWh	1,30	0,53	
- SÔNG HINH		5.460.000	6.610.000	121,06
Tỷ lệ		1,30	1,60	

## 2. Về thực hiện các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

### 2.1. Về tổn thất qua máy biến áp và tự dùng:

Tổn thất qua máy biến áp và tự dùng cho cả hai nhà máy thực hiện năm 2016 là 8,02 triệu kWh chiếm tỷ lệ 1,18%, tiết kiệm được 1,08 triệu kWh (1,18%/1,3%) giảm 11,86% so với kế hoạch. Trong đó, Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn tỷ lệ điện dùng sản xuất điện là 0,53%/1,30%; Nhà máy thủy điện Sông Hinh là 1,60%/1,30%.

### 2.2. Về suất sự cố, hệ số sẵn sàng:

- Suất sự cố của 2 nhà máy thực hiện trong năm là 0,167 so với kế hoạch 0,2. Trong đó: Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn là 0,167/0,2, Nhà máy thủy điện Sông Hinh là 0,167/0,2.

- Hệ số sẵn sàng của 2 nhà máy thực hiện trong năm là 0,940 so với kế hoạch 0,955. Trong đó: Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn là 0,923/0,955, Nhà máy thủy điện Sông Hinh là: 0,957/0,955.

### 2.3. Công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật:

Trong năm 2016 đã triển khai thực hiện, nghiệm thu được 06 sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh điện của Công ty.

### 2.4. Công tác An toàn lao động, vệ sinh lao động, PCCN, bảo vệ môi trường:

Công ty tổ chức thực hiện tốt các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, PCCN nên trong năm 2016 không có tai nạn lao động và sự cố cháy nổ. Thực hiện tốt công tác kiểm soát môi trường, quản lý chất thải nguy hại đúng quy định.

## 3. Về giảm chi phí sản xuất kinh doanh:

Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp tối ưu hóa chi phí trong công tác đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị, rà soát các định mức vật tư thiết bị theo đúng quy trình, quy định, số lượng, chủng loại phù hợp với nhu cầu sử dụng, không để tình trạng thừa vật tư sau sửa chữa. Đối với vật tư, thiết bị thu hồi còn sử dụng được, ưu tiên đưa vào bảo dưỡng, tái sử dụng trong quá trình sửa chữa lớn nhằm tiết giảm tối đa chi phí sửa chữa lớn (SCL). Trong năm 2016 công tác SCL đã hoàn thành vượt mức tiến độ đề ra, giảm 5% chi phí SCL theo kế hoạch.

Tiết kiệm triệt để chế độ hội nghị, công tác phí, tiếp khách, sử dụng trang bị, điện thoại, mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, quản lý phương tiện vận tải, chi phí văn phòng phẩm, bảo hộ lao động, an ninh quốc phòng, công nghệ thông tin...

Tiến hành đánh giá, thanh xử lý VTTB tồn đọng, kém, mất phẩm chất nhằm giảm giá trị hàng tồn kho.

Thực hiện nghiêm túc, triệt để quy trình vận hành thiết bị trạm, đường dây, MBA, tránh các tổn thất điện năng do nguyên nhân khách quan và chủ quan gây ra ngay từ đầu năm nhằm đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu tiết kiệm 5% tỷ lệ điện tự dùng theo Quyết định tối ưu hóa chi phí. Kết quả năm 2016 tỷ lệ điện tự dùng như sau:

Đơn vị	SL điện đầu cực máy phát (tr.kWh)	SL điện giao nhận (tr.kWh)	Điện tự dùng (tr.kWh)		Tỷ lệ điện tự dùng (%)	
			KH	TH	KH	TH
1	2	3	4	5	6	7
Vĩnh Sơn	266,33	264,91	3,64	1,42	1,30	0,53
Sông Hình	413,02	406,42	5,46	6,61	1,30	1,60
<b>Tổng</b>	<b>679,35</b>	<b>671,33</b>	<b>9,10</b>	<b>8,02</b>	<b>1,30</b>	<b>1,18</b>

## II. Mục tiêu, Phương hướng và giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017:

Năm 2017, dự báo tình hình khí hậu trên toàn thế giới cũng như trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp vẫn còn tiếp diễn. Cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, lượng nước tích được tại Hồ A: 775,00m, Hồ B: 826,00m, Hồ C: 981,00m cả 03 hồ chứa của Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn đạt 100% dung tích hữu ích. Hồ Sông Hình lượng nước tích được đạt 100% dung tích hữu ích.

Phát huy những thuận lợi về mặt cơ sở vật chất, kỹ thuật, hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực hiện có. Tiếp tục quán triệt Quyết định tối ưu hoá chi phí sản xuất trên cơ sở kết quả thực hiện chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2016, Tổng giám đốc sẽ chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp để tăng trưởng sản xuất kinh doanh, xây dựng chiến lược tối ưu hoá dòng tiền. Thực hiện các giải pháp phù hợp để tiết giảm giá trị hàng tồn kho, chi phí SCL, dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác bằng tiền.

Tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định về quản lý và điều hành nội bộ của Công ty. Quan tâm thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động. Cải thiện đời sống và thu nhập của người lao động. Thực hiện tốt quy chế dân chủ. Triển khai, xây dựng đồng bộ quan hệ lao động hài hoà, giải quyết kịp thời các mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh trong quá trình lao động. Phát huy tinh thần dân chủ, đoàn kết nội bộ, minh bạch trong sản xuất kinh doanh. Tăng cường công tác ATLD, VSCN, PCCN và kiểm soát ô nhiễm môi trường.

Đẩy mạnh các giải pháp và đồng bộ tối ưu hoá nguồn lực trong công tác vận hành thị trường điện, đảm bảo đáp ứng tốt tất cả các giai đoạn của Thị trường điện Việt Nam, cố gắng đạt doanh thu cao nhất trong thị trường.

Tăng cường năng lực cán bộ và cơ sở vật chất kỹ thuật, đảm bảo tối ưu cho công tác vận hành các hồ chứa, sẵn sàng ứng phó trước những biến đổi khó lường của khí hậu. Điều tiết hợp lý nguồn nước giữa các hồ, đảm bảo hài hòa, hợp lý giữa công tác sản xuất điện và cấp nước cho hạ du vào mùa kiệt.

Triển khai tối ưu các chiến lược chào giá trong thị trường điện, đảm bảo đạt vượt mức chỉ tiêu kế hoạch doanh thu thị trường mà Ban điều hành đã đề xuất.

Nâng cao chất lượng vận hành và quản lý kỹ thuật, đảm bảo đạt hệ số khả dụng khả dụng kế hoạch. Giảm thiểu tối đa, không để xảy ra xuất sự cố chủ quan trong năm. Phân đấu đáp ứng 100% khả năng nhu cầu huy động của hệ thống điện quốc gia.

Tiếp tục đầu tư, tháo gỡ khó khăn hiện tại và thực hiện có hiệu quả công tác đầu tư xây dựng, đẩy nhanh tiến độ đào hầm bằng TBM Thủy điện Thượng Kon Tum.

Như vậy, so với năm 2016 thì năm 2017 nhiệm vụ sản xuất kinh doanh sẽ gặp không ít những khó khăn và thách thức mới. Công ty sẽ cố gắng đảm bảo phương tiện, thiết bị và phương thức vận hành để có thể huy động tối đa công suất, đảm bảo khai thác hiệu quả hết mức công suất khả dụng của từng tổ máy.

### **1. Về sản xuất kinh doanh:**

Đến hết ngày 31/12/2016 tình hình mực nước tại các hồ như sau:

- Hồ A: mực nước: 775,00m/775,00m, lượng nước tồn: 22.110.000 m<sup>3</sup>, đạt 100,00%.

- Hồ B: mực nước: 826,00m/826,00m, lượng nước tồn: 80.000.000 m<sup>3</sup>, đạt 100,00%.

- Hồ C: mực nước: 981,00m/981,00m, lượng nước tồn: 35.070.000 m<sup>3</sup>, đạt 100,00%.

- Mực nước Hồ Sông Hinh: 209,00m/209,00m, lượng nước tồn: 323.530.000m<sup>3</sup>, đạt 100,00%.

Căn cứ tình hình thực tế tại các hồ và kinh nghiệm vận hành nhà máy trong hơn 20 năm qua, Ban điều hành Công ty Cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh lập kế hoạch sản lượng năm 2017 như sau:

*Đơn vị tính: Triệu kWh*

Nội dung	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng cộng
1. Điện sản xuất	215,00	182,00	147,00	195,00	739,00

- Nhà máy Vĩnh Sơn	100,00	92,00	66,00	87,00	345,00
- Nhà máy Sông Hình	115,00	90,00	81,00	108,00	394,00
<b>2. Điện thương phẩm</b>	<b>212,42</b>	<b>179,82</b>	<b>145,24</b>	<b>192,62</b>	<b>730,04</b>
- Nhà máy Vĩnh Sơn	99,00	91,08	65,34	86,13	341,55
- Nhà máy Sông Hình	113,-39	88,74	79,87	106,49	388,49
<b>3. Điện tự dùng + tổn thất MBA</b>	<b>2,61</b>	<b>2,18</b>	<b>1,79</b>	<b>2,38</b>	<b>8,96</b>
- Nhà máy Vĩnh Sơn	1,00	0,92	0,66	0,87	3,45
- Nhà máy Sông Hình	1,61	1,26	1,13	1,51	5,51
<b>4. Tỷ lệ điện dùng sản xuất điện (%)</b>	<b>1,20</b>	<b>1,20</b>	<b>1,20</b>	<b>1,20</b>	<b>1,20</b>
- Nhà máy Vĩnh Sơn	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00
- Nhà máy Sông Hình	1,40	1,40	1,40	1,40	1,40

#### Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016		Kế hoạch 2017
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	700,00	679,35	739,00
2	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	691,60	671,33	730,13
3	Doanh thu	Tr.đồng	519.599,04	502.226,60	538.350,00
3.1	Doanh thu từ sản xuất điện	Tr.đồng	484.099,04	447.638,32	492.150,00
3.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	Tr.đồng	35.500,00	52.946,45	45.000,00
	- Lãi tiền gửi ngân hàng		34.000,00	52.940,92	45.000,00
3.3	Doanh thu từ dịch vụ khác	Tr.đồng		1.641,84	1.200,00
4	Chi phí	Tr.đồng	218.989,25	222.987,84	243.636,85
4.1	Chi phí sản xuất điện	Tr.đồng	201.059,25	200.984,26	222.201,71
	- Chi phí O&M		62.155,97	56.965,61	67.385,00
	- Thuế tài nguyên		44.871,28	49.723,40	59.214,07
	- Phí dịch vụ môi trường rừng		13.832,00	13.426,59	14.602,64
	- Khấu hao		80.200,00	80.868,66	81.000,00
4.2	Chi phí hoạt động tài chính	Tr.đồng	17.930,00	19.678,91	19.930,00
	- Trả lãi vay ngân hàng		3.000,00	5.197,29	5.000,00
	- Chênh lệch tỷ giá		14.930,00	14.481,62	14.930,00
4.3	Chi phí hoạt động dịch vụ khác	Tr.đồng		2.324,67	1.505,14
5	Lợi nhuận khác (LN từ Cty	Tr.đồng	1.500,00	1.602,82	1.600,00

Du lịch Bình Định,...)					
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	300.609,78	280.841,57	296.313,15
7	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tr.đồng	66.134,15	56.168,31	59.262,63
7.1	Thuế TNDN thực nộp	Tr.đồng	18.017,39	22.719,53	31.947,80
7.2	Thuế TNDN ưu đãi		48.116,76	33.448,78	27.314,83
8	Thuế thu nhập hoãn lại	Tr.đồng			
10	Lợi nhuận sau thuế thực hiện	Tr.đồng	282.592,39	258.122,04	264.365,35
9	Lợi nhuận sau thuế được chia		234.475,63	224.673,26	237.050,52
11	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn	%	13,70	12,52	12,82
12	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	10	10	10
13	Số tiền chi trả cổ tức	Tr.đồng	206.241,25	206.241,25	206.241,25
14	Trích lập các quỹ	Tr.đồng	27.910,39	8.637,56	5.165,66
	- Quỹ dự phòng tài chính				
	- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ				
	- Quỹ khen thưởng HDQT+BKS		500,00	400,00	500,00
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.737,56	6.737,56	3.705,66
	+ Khen thưởng		3.368,78	3.368,78	-
	+ Phúc lợi		3.368,78	3.368,78	3.705,66
	- Quỹ khen thưởng các đơn vị ngoài			410,00	710,00
	- Hỗ trợ nhà tình nghĩa		250,00	250,00	250,00
	- Thù lao HDQT không c.trách			840,00	
	- Quỹ đầu tư phát triển		20.422,83		
15	Lợi nhuận ST chưa phân phối	Tr.đồng	48.440,76	9.794,45	25.643,62
16	Quỹ tiền lương sản xuất điện	Tr.đồng	26.950,22	26.950,22	33.348,20
	- Ban Giám đốc, Kế toán trưởng		2.421,33	2.421,33	2.663,46
	- Người lao động		24.528,89	24.528,89	26.979,08
	- Lương hiệu quả SXKD	0,00	0,00	0,00	3.705,66
	- Thưởng vận hành an toàn		2.075,67	2.075,67	2.283,87
17	Lao động bình quân	Người	138	138	138
18	Tổng vốn đầu tư	Tr.đồng	865.700	1.353.760	1.977.412

**B. Công tác đầu tư xây dựng Dự án thủy điện Thượng Kon Tum:**  
(chi tiết xem Báo cáo kết quả thực hiện năm 2016 và kế hoạch thực hiện năm 2017 Dự án thủy điện Thượng Kon Tum kèm theo)

**I. Tình hình thực hiện đầu tư xây dựng Dự án thủy điện Thượng Kon Tum năm 2016:**

## **1. Tuyển áp lực, bao gồm đập dâng và đập tràn.**

### **a. Đập dâng:**

- Công tác đắp đất đạt đến cao trình  $\nabla 1.161,2\text{m}/\nabla 1164\text{m}$  so với thiết kế. khối lượng đắp trong năm 2016  $570.450\text{m}^3/622.049\text{m}^3$ , đạt 91,7%. Lũy kế khối lượng đắp đất thân đập  $1.491.050\text{m}^3/1.517.149\text{m}^3$  so với khối lượng thiết kế, tương ứng 98,28%.

- Thi công đổ bê tông mái TL:  $2.311\text{m}^3/3129\text{m}^3$ , đạt được 73,86% .

- Thi công xây lát đá:  $869,97\text{m}^3/1087\text{m}^3$ , đạt 80,03% .

- Thi công trồng cỏ:  $15.474\text{m}^2/22.408\text{m}^2$  đạt 69,06%.

### **b. Đập tràn:**

- Công tác đào: Đã hoàn thành.

- Công tác bê tông: Trong năm 2016, Nhà thầu đổ bê tông tràn được  $11.200,89\text{m}^3/17.968\text{m}^3$ , đạt được 62,34% kế hoạch. Lũy kế khối lượng bê tông tràn đạt  $24.002,89\text{m}^3/28.699\text{m}^3$  so với khối lượng thiết kế, tương ứng với 83,64%.

- Công tác gia công chế tạo thiết bị cơ khí thủy công: Nhà thầu đã lắp đặt xong ngưỡng đáy, dẫn bên khe phai van sửa chữa và van cung đến cao trình  $\nabla 1157,5\text{m}$  và gia công chế tạo van cung, gối xoay, chốt treo xy lanh.

### **❖ Đánh giá:**

- Thi công đập dâng trong năm 2016, không đạt kế hoạch đặt ra là do: Ảnh hưởng thời tiết mưa 161 ngày/năm và thiếu nhân công thi công đổ bê tông gia cố mái TL, trồng cỏ...

- Thi công xây lát đá không đạt kế hoạch đặt ra, nguyên nhân chính là do: Ảnh hưởng thời tiết mưa 161 ngày/năm và Nhà thầu thiếu nhân công xây lát đá.

- Công tác cơ khí thủy công tràn triển khai chậm.

► Mặc dù, hạng mục Đập dâng không đạt kế hoạch năm, nhưng không ảnh hưởng đến tiến độ chung của dự án. Gói thầu này thi công hoàn thành vào cuối tháng 6/2017.

## **2. Tuyển năng lượng.**

a. Gói thầu thi công Cửa nhận nước và 5Km đường hầm: Nhà thầu thi công là Công ty CP xây dựng 47.

- Hợp đồng đã được ký kết từ ngày 14/10/2015.

- Thời gian thực hiện Hợp đồng là 30 tháng.

- Khối lượng đã thi công được  $1.216,60\text{m}/1.890\text{m}$ , đạt 64% khối lượng Hợp đồng.

Nhà thầu thi công không đáp ứng tiến độ đề ra, nguyên nhân: Do lượng nước ngầm trong đường hầm tăng hơn so với dự kiến ban đầu, nên hệ thống bơm nước không đáp ứng công tác tiêu nước; máy khoan thường xuyên hỏng hóc; ngoài ra còn phải tập trung xử lý 2 điểm đứt gãy nên thời gian thi công cũng bị ảnh hưởng.



Trước tình hình thi công không đạt tiến độ của Nhà thầu, Chủ đầu tư đã có nhiều công văn nhắc nhở đôn đốc, tổ chức các cuộc họp trên công trường để bàn biện pháp tháo gỡ nhằm đẩy nhanh tiến độ. Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu chuẩn bị các thiết bị, vật tư và nhân sự thi công để bù khối lượng chậm tiến độ trong năm 2016 và đảm bảo tiến độ thi công năm 2017 theo Hợp đồng đã ký.

b. Gói thầu thi công đường hầm dẫn nước bằng TBM:

Nhà thầu thi công là Liên danh Robbins –USA và Công ty CP xây dựng 47 (CC47).

- Hợp đồng chính thực đã được ký kết từ ngày 25/5/2016, ngày hợp đồng có hiệu lực là 14/7/2016.

- Thời gian hoàn thành công tác đào hầm là 21 tháng.

- Tổng thời gian hoàn thành toàn bộ gói thầu (đào và gia cố) là 28 tháng.

- Khối lượng đã thi công được trong năm 2016 là 2.233m/10.449m, đạt 21% khối lượng hợp đồng.

❖ **Đánh giá:**

- Về tiến độ thi công: Đảm bảo tiến độ thi công năm 2016.

❖ **Giải pháp:**

Chủ đầu tư sẽ tiếp tục đôn đốc Nhà thầu triển khai khoan hầm đạt khối lượng mục tiêu năm 2017 đề ra..

c. Gói thầu Thi công phần khối lượng còn lại của cụm nhà máy, bao gồm: hầm áp lực, buồng điều áp khí nén; nhà máy, gian biến áp chính, hầm thông gió chính và dẫn cáp, trạm phân phối hở, kênh xả và hầm giao thông.

Nhà thầu thi công là Công ty CP Sông Đà 10.

- Hợp đồng chính thực đã được ký kết từ ngày 25/12/2015.

- Thời gian thực hiện Hợp đồng là 28 tháng.

- Nhà thầu thi công đáp ứng tiến độ đề ra.

❖ **Đánh giá:** Các hạng mục đáp ứng và bám sát được tiến độ.

❖ **Giải pháp:** Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu tăng cường nguồn lực, thiết bị, tập trung thi công để đẩy mạnh Tiến độ của các hạng mục bị chậm trễ. Đặc biệt thường xuyên duy tu bảo dưỡng máy phát điện dự phòng luôn trong trạng thái sẵn sàng để phục vụ thi công.

3. Công tác tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản và lắp đặt thiết bị cơ điện:

a. Công tác tiếp nhận thiết bị:

- Tính đến hết năm 2016, đã tiếp nhận và vận chuyển an toàn lên công trường được 1.670 tấn thiết bị, với giá trị 15.557.081 USD, đạt 53% khối lượng Hợp đồng.

- Theo tiến độ giao hàng đến tháng 12/2017 sẽ nhận toàn bộ thiết bị còn lại.

b. Công tác lắp đặt và thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị:

Nhà thầu thực hiện là Liên danh nhà thầu LILAMA 10- LILAMA 45.4.

**4. Đánh giá, phân tích tiến độ thi công khoan hầm dẫn nước bằng TBM và khoan nổ từ Km0 – Km5: Xem Phụ lục 1 đính kèm.**

**II. Kế hoạch đầu tư xây dựng Dự án thủy điện Thượng Kon Tum năm 2017:**

**2.1. Tuyển áp lực:** Sẽ thi công hoàn thành toàn bộ Tuyển áp lực trong năm 2017, kể cả thu dọn lòng hồ và tiến hành nghiệm thu để chuẩn bị tích nước hồ chứa, bao gồm:

a. Đập dâng: hoàn thiện công tác đắp đập đến cao trình 1.164m, và hoàn thành gia cố mái thượng, hạ lưu đạt cao trình thiết kế.

b. Đập tràn: Thi công bê tông trụ pin và trụ biên đập tràn đạt cao trình thiết kế, lắp đặt xong cửa van cung và cửa van sửa chữa đập tràn, tiến hành thử khô cửa van tràn.

c. Sẽ triển khai công tác thu dọn lòng hồ từ đầu năm 2017 và kết thúc vào cuối năm 2017.

**2.2. Tuyển năng lượng:**

a. Hạng mục: Cửa nhận nước và 5Km đầu đường hầm thi công bằng phương pháp khoan nổ. Trong năm 2017, sẽ thúc đẩy tiến độ thi công hạng mục Cửa nhận nước và 5Km đầu đường hầm, bao gồm:

- Tiếp tục đào 737m đường hầm dẫn nước bằng phương pháp khoan nổ đến lý trình Km5+ 00 (hoàn thành cuối tháng 9/2017). Tiến hành thi công hoàn thiện đường hầm dẫn nước (bê tông nền, gia cố vĩnh viễn) đảm bảo tiến độ phê duyệt năm 2017.

- Triển khai thi công bê tông cửa nhận nước, đến tháng 12/2017 sẽ hoàn thành toàn bộ bê tông cửa nhận nước và lắp đặt xong thiết bị cửa nhận nước.

b. Hạng mục: Đường hầm dẫn nước từ Km5 đến Km17+447 thi công bằng máy TBM. Thúc đẩy tiến độ thi công đào và gia cố hầm dẫn nước bằng TBM, đạt bình quân 500m/tháng, phần đầu trong năm 2017 thi công đạt 6000m.

c. Hạng mục Cụm nhà máy: Thúc đẩy nhanh tiến độ thi công cụm nhà máy, trong năm 2017 phần đầu thi công hoàn thành công tác đào đất đá và bê tông các hạng mục: nhà máy ngầm, bể đá, hầm vào bể áp lực, bể điều áp, gian biến thế, hầm cáp và trạm phân phối theo tiến độ phê duyệt.

**2.3. Công tác tiếp nhận thiết bị cơ điện:** Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, vận chuyển và bảo quản thiết bị theo đúng tiến độ đề ra.

**2.4. Công tác bồi thường - GPMB, thu hồi giao đất và di dân, tái định cư:**

2.4.a. Công tác bồi thường – GPMB: phần đầu hoàn thành trong năm 2017, tiếp tục giải quyết dứt điểm các tồn tại của công tác bồi thường - GPMB, chi trả xong các chi phí hỗ trợ đã được phê duyệt cho người dân.

2.4.b. Công tác thu hồi đất: trong năm 2017, giải quyết dứt điểm các tồn tại của công tác thuê đất để xây dựng dự án theo đúng quy định.

Số	Nội dung	Giá trị kế hoạch vốn năm 2017
TT	Dự án thủy điện Thượng Kon Tum	
I	Xây lắp	1.041.000
1	Tuyên áp lực	150.000
2	Tuyên năng lượng	873.000
a	Thi công CNN và 5km đầu đường hầm	110.000
b	Thi công cụm nhà máy	300.000
c	Đường hầm dẫn nước từ km5-km14+447 (thi công bằng TBM)	463.000
3	Khu quản lý vận hành	8.000
a	Thi công đường nội bộ, hệ thông sản vườn	8.000
b	Thi công đường nội bộ, hệ thông sản vườn	8.000
4	Sửa chữa đường ngoài công trường	
a	Khu vực nhà máy	10.000
b	Khu vực cụm đầu mối	5.000
II	Thiết bị	460.000
1	Trà tiền mua thiết bị cơ điện cho AH	400.000
2	Chi phí đất và thi nghiệm hiệu chỉnh thiết bị cơ điện	50.000
3	Chi phí tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản thiết bị cơ điện	10.000
III	Chi phí khác	430.086
1	Chi phí khảo sát, lập thiết kế, dự toán và thẩm tra	11.000
a	Thiết kế bản vẽ thi công tuyến năng lượng và giám sát tác giả	8.000
b	Thăm tra, thiết kế, dự toán công trình	1.000
c	Tư vấn khởi động lại Tuyến năng lượng	

Đơn vị tính: Triệu đồng

- 2.4.c. Công tác di dân, tái định cư: phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết tốt công tác hậu tái định cư. Đơn đốc Ban QLDA di dân của huyện KonPlông đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình tái định canh, để bàn giao đất sản xuất cho người dân, nhằm sớm ổn định đời sống của người dân bị thiệt hại phải tái định cư trong vùng dự án.
- 2.5. Công tác thu dọn lòng hồ trước khi tích nước hồ chứa theo đúng quy định của bộ Tài nguyên và Môi trường.
- 2.6. Dự kiến kế hoạch vốn cho dự án Thượng Kon Tum trong năm 2017 là 1.977,412 tỷ đồng.
- 2.7. Công tác giải quyết tranh chấp hợp đồng: Tiếp tục thực hiện tốt công tác giải quyết tranh chấp hợp đồng với Nhà thầu Hoa Đông - Trung Quốc, cụ thể:
- Phối hợp cùng với các đơn vị tư vấn luật chuẩn bị hồ sơ bảo vệ và đơn phân tố bổ sung để giao nộp cho VIAC đúng thời gian quy định.
  - Tham gia và theo dõi diễn biến các phiên xử để cùng các đơn vị tư vấn Luật kịp thời có những đối sách thích hợp nhằm đảm bảo vụ kiện thắng lợi.
- 2.8. Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2017:

## THÔNG BÁO

### Về tiến độ thi công khoan hầm dẫn nước bằng TBM và khoan nổ - Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum

1. Công tác khoan nổ hầm dẫn nước phía trước cửa nhận nước (đoạn Km0+000m đến Km5+000m):

*Hiện trạng công tác đào hầm khoan nổ* (đoạn Km0+000m đến Km5+000m) phía cửa nhận nước:

Đơn vị thi công	Từ khởi công đến 17/7/2014	Từ 18/7/2014 đến 10/2015	Từ 10/2015 đến 11/5/2017	Từ 12/5/2017 đến 22/10/2017
Nhà thầu Hoa Đông - TQ	Đào hầm được 3,11km; Năng suất bình quân 78m/tháng	Không	Không	Không
CC47	Không	Bơm nước ngập từ ngày 14/2/2015 đến 30/6/2015	Đào hầm được 1,461 km; năng suất bình quân 76m/tháng	Còn lại 429m; cần đạt năng suất bình quân 80m/tháng

Tổng chiều dài hầm thi công bằng biện pháp khoan nổ là 5km, trong đó, nhà thầu Hoa Đông - Trung Quốc đã thi công được 3,11 km, còn lại 1,89km hiện nay do CC47 thi công.

2. Công tác đào hầm dẫn nước bằng máy đào TBM (đoạn Km5+000m đến Km17+449m) phía nhà máy:

*Hiện trạng công tác đào hầm dẫn nước bằng máy đào TBM*

Đơn vị thi công	Từ khởi công đến 02/7/2014	Từ 03/7/2014 đến 13/7/2016	Từ 14/7/2016 đến 11/5/2017	Từ 12/5/2017 đến khi hoàn thành
Nhà thầu Hoa Đông - TQ	Đào được 2.000m; Năng suất bình quân 122m/tháng	Dừng thi công	Không	Không
Liên danh Robbins và CC47	Không	Không	Đào hầm được 3.712m; năng suất bình quân đạt 370m/tháng	Còn lại 6.737m; Dự kiến: - Năng suất: 450m/tháng thì thời gian thi công 15 tháng; - Năng suất 500m/tháng thì thời gian thi công 13,5 tháng.

Tổng chiều dài hầm thi công bằng biện pháp đào bằng máy TBM là 12.449m, trong đó nhà thầu Trung Quốc đã thi công được 2.000m, còn lại 10.449m do Liên doanh nhà thầu Robbins và CC47 thi công.

3. Đánh giá chung giữa CC47 so với nhà thầu Trung Quốc trong việc đào hầm

3.1. Khoan nổ hầm dẫn nước:

- Năng suất tương đương giữa CC47 và Hoa Đông.
- Chỉ cần năng suất 76m/tháng thì CC47 sau 5 ÷ 7 tháng nữa sẽ hoàn thành công tác đào hầm bằng khoan nổ.

3.2. Công tác đào hầm bằng TBM:

- Năng suất của Liên danh nhà thầu Robbins & CC47 cao gấp 3 lần so với Nhà thầu Trung Quốc.
- Chưa đạt cam kết theo hợp đồng nên cần có các biện pháp đảm bảo tiến độ của hợp đồng.

**BẢNG TỔNG HỢP DÒNG TIỀN DA THƯƠNG KON TUM - CÔNG TY VSH**  
Đến 30-04-2017

STT	NỘI DUNG	GIÁ TRỊ			VAT	CỘNG	Vốn tự có	Vốn vay
<b>I</b>	<b>TIỀN THANH TOÁN THUỢNG KON TUM</b>							
		<b>SXKD</b>	<b>Khối lượng XDCB</b>	<b>Lãi vay đã trả</b>				
1	Trả trước cho người bán	-	624.442.435.406	-	-	624.442.435.406		
2	Phải trả người bán -XDCB	-	195.609.837.382	-	-	195.609.837.382	51.708.334.154	572.734.101.252
3	Khối lượng đầu tư xây dựng	-	2.832.070.635.113	633.777.939.350	-	3.699.089.111.057	-	-
4	Chi phí thiết bị	-	336.381.659.046	-	-	336.381.659.046	1.387.148.462.716	2.032.604.094.476
5	VAT đã được hoàn	-	-	-	233.240.536.594	370.019.824.951	33.638.165.905	336.381.659.046
	<b>Tổng</b>				33.638.165.905	370.019.824.951	33.638.165.905	
<b>II</b>	<b>Chi tiết Thuế GTGT được hoàn</b>							
1	Thuế GTGT được hoàn 2014	-	3.597.284.892.183	633.777.939.350	183.151.986.016	4.414.214.817.549	1.472.494.962.775	2.941.719.854.774
2	Thuế GTGT được hoàn 2015				8.063.138.099			
3	Thuế GTGT được hoàn 2016				15.828.219.799			
4	Thuế GTGT được hoàn 2017				13.934.974.601			
	<b>Tổng</b>				45.900.383.984			
<b>III</b>	<b>GIẢI NGÂN</b>				83.726.716.483			
1	BIDV Bình Định					848.130.914.219		
2	VCB Gia Lai					399.999.562.524		
3	VCB Kon Tum					699.998.146.384		
4	ACB Bình Định					274.911.000.000		
5	HĐ Bank Hiệp Phú					362.020.669.980		
6	NH RaifesenLandesbank					356.659.561.667		
	<b>Tổng</b>					2.941.719.854.774		
<b>IV</b>	<b>Vốn tự có</b>							
1	Vốn tự có (I-III)							
<b>V</b>	<b>TIỀN GỬI TIẾT KIỆM</b>							
1	BIDV Bình Định					1.472.494.962.775		
2	VCB Gia Lai	40.000.000.000	214.500.000.000					
3	VCB Kon Tum		104.500.000.000			254.500.000.000		
4	ACB Bình Định	10.000.000.000	128.500.000.000			104.500.000.000		
5	HĐ Bank Hiệp Phú	-	83.000.000.000			138.500.000.000		
6	Vietinbank Phú Yên	-	107.783.000.000			83.000.000.000		
	<b>Tổng</b>	20.038.750.000				107.783.000.000		
<b>VI</b>	<b>Tiền điện phải thu Tháng 3+4/2017</b>	70.038.750.000	638.283.000.000			20.038.750.000		
<b>VII</b>	<b>Tiền bồi hoàn bảo lãnh thực hiện hợp đồng của NT Hoadong</b>	135.893.479.626				708.321.750.000		
1	Hợp đồng 885 & 886					135.893.479.626		
2	Cổ tức 2016 (10%)							
	<b>Tổng</b>					211.531.821.356		
<b>VIII</b>	<b>Dự kiến nguồn vốn 2017-2019</b>					206.241.246.000		
1	VAT XDCB dự kiến còn phải nộp					417.773.067.356		
2	VAT SXKD dự kiến bù trừ							
3	VAT dự kiến được hoàn				315.889.801.501			
4	Tổng dự toán DA TKT bao gồm VAT				135.000.000.000			
5	Tổng dự toán DA TKT bao gồm VAT sau khi loại trừ VAT được hoàn				180.889.801.501			
							7.398.491.444.000	
							7.133.874.926.016	



**DỰ KIẾN TÍCH LŨY LỢI NHUẬN SAU THUẾ**

STT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Tổng cộng
<b>I</b>	<b>PA trả cổ tức 10%</b>				
1	Lợi nhuận sau thuế ước tính	260.00	260.00	260.00	
2	Cổ tức 10%	206.24	206.24	206.24	
3	Trích lập khen thưởng, Phúc lợi, khác...	10.00	10.50	11.03	
4	<b>Lợi nhuận tích lũy</b>	<b>43.76</b>	<b>43.26</b>	<b>42.73</b>	<b>129.75</b>
	<i>Trong đó :</i>				
	<i>Ưu đãi về thuế</i>	27.00	27.00	27.00	81.00
	<i>Lợi nhuận còn lại</i>	16.76	16.26	15.73	48.75
<b>II</b>	<b>PA trả cổ tức 8%</b>				
1	Lợi nhuận sau thuế ước tính	260.00	260.00	260.00	
2	Cổ tức 8%	206.24	206.24	185.62	
3	Trích lập khen thưởng, Phúc lợi, khác	10.00	10.50	11.03	
4	<b>Lợi nhuận tích lũy</b>	<b>43.76</b>	<b>43.26</b>	<b>63.36</b>	<b>150.38</b>
	<i>Trong đó :</i>				
	<i>Ưu đãi về thuế</i>	27.00	27.00	27.00	81.00
	<i>Lợi nhuận còn lại</i>	16.76	16.26	36.36	69.38

